

LUẬT CẢNH SÁT CƠ ĐỘNG NĂM 2022

Câu: 1: Vị trí, chức năng của Cảnh sát cơ động?

- A. Cảnh sát cơ động là lực lượng vũ trang nhân dân thuộc Công an nhân dân Việt Nam
- B. là lực lượng nòng cốt thực hiện biện pháp vũ trang bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội
- C. là lực lượng nòng cốt bảo đảm trật tự, an toàn xã hội

D. câu a và b

Câu: 2: Hoạt động của Cảnh sát cơ động có mấy nguyên tắc?

A. 2 nguyên tắc

B. 5 nguyên tắc

C. 3 nguyên tắc

D. 7 nguyên tắc

Câu: 3: Trường hợp nào sau đây cảnh sát cơ động được mang theo người vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ, phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ vào cảng hàng không, lên tàu bay dân sự để làm nhiệm vụ?

- A. Chống khủng bố, giải cứu con tin; trấn áp đối tượng thực hiện hành vi nguy hiểm có sử dụng vũ khí, vật liệu nổ;
- B. Bảo vệ vận chuyển hàng đặc biệt; áp giải bị can, bị cáo phạm tội đặc biệt nghiêm trọng
- C. Sử dụng tàu bay do cấp có thẩm quyền huy động riêng cho Cảnh sát cơ động để kịp thời cơ động giải quyết các vụ việc phức tạp về an ninh, trật tự.

D. Cả a, b và c

Câu: 4: Nội dung hợp tác quốc tế của cảnh sát cơ động?

- A. Trao đổi thông tin, kinh nghiệm trong thực hiện nhiệm vụ của Cảnh sát cơ động; Đào tạo, huấn luyện, diễn tập, hỗ trợ, chuyển giao trang bị, phương tiện, khoa học và công nghệ tăng cường năng lực của Cảnh sát cơ động
- B. Phòng, chống khủng bố, bắt cóc con tin, chiếm đoạt tàu bay, tàu thủy, tội phạm có tổ chức, tội phạm xuyên quốc gia; tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ;
- C. Các nội dung hợp tác khác trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Cảnh sát cơ động.

D. Cả a, b và c

Câu: 5: Sử dụng biện pháp nào để chống hành vi bạo loạn, khủng bố?

A. Biện pháp vũ trang

B. Biện pháp hòa bình.

C. Tuần tra, kiểm soát.

D. Biện pháp công tác khác.

Câu: 6: Trường hợp nào sau đây Cảnh sát cơ động được kiểm tra, kiểm soát người, phương tiện, đồ vật, tài liệu?

A. Phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về an ninh, trật tự;

B. Phát hiện người phạm tội quả tang, người bị truy nã, bị truy tìm;

C. Có căn cứ cho rằng trong người, phương tiện có cất giấu đồ vật, tài liệu, phương tiện được sử dụng để vi phạm pháp luật, nếu không kiểm tra, kiểm soát ngay thì đồ vật, tài liệu, phương tiện đó bị tẩu tán, tiêu hủy.

D. Cả a, b và c.

Câu: 7: Sử dụng biện pháp vũ trang và các biện pháp công tác khác để thực hiện các nhiệm vụ nào sau đây?

A. Tấn công, ngăn chặn đối tượng thực hiện hành vi bắt cóc con tin, sử dụng bạo lực xâm phạm, đe dọa xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của cá nhân, tổ chức.

B. Giải tán các vụ việc tập trung đông người gây rối an ninh, trật tự.

C. Bảo vệ sự kiện, mục tiêu quan trọng về chính trị, kinh tế, ngoại giao, khoa học - kỹ thuật, văn hóa, xã hội và bảo vệ vận chuyển hàng đặc biệt; Tuần tra, kiểm soát bảo đảm an ninh, trật tự.

D. Cả a, b và c.

Câu: 8: Hành vi nào sau đây bị nghiêm cấm được quy định trong Luật Cảnh sát cơ động?

A. Giải tán các vụ việc tập trung đông người gây rối an ninh, trật tự

B. Giả danh cán bộ, chiến sĩ Cảnh sát cơ động; giả mạo phương tiện, làm giả, mua bán, sử dụng trái phép trang phục, phù hiệu, con dấu, giấy chứng nhận công tác đặc biệt của Cảnh sát cơ động.

C. Tuần tra, kiểm soát bảo đảm an ninh, trật tự.

D. Tấn công, ngăn chặn đối tượng thực hiện hành vi bắt cóc con tin, sử dụng bạo lực xâm phạm, đe dọa xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, tài sản của cá nhân, tổ chức.

Câu: 9: Cảnh sát cơ động có quyền hạn nào sau đây?

A. Sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.

B. Thực hiện công tác vận động, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng

C. Ngăn chặn, vô hiệu hóa tàu bay không người lái và các phương tiện bay siêu nhẹ trực tiếp tấn công, đe dọa tấn công hoặc xâm phạm mục tiêu bảo vệ của Cảnh sát cơ động trong phạm vi khu vực cấm bay, khu vực hạn chế bay theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

D. Lao động sản xuất, kết hợp quốc phòng với kinh tế – xã hội, tham gia phòng thủ dân sự, cùng toàn dân xây dựng đất nước

Câu: 10: Việc vào trụ sở của cơ quan, tổ chức, chỗ ở của cá nhân để chống khủng bố, giải cứu con tin được thực hiện theo quy định của pháp luật nào sau đây?

A. Pháp luật về phối hợp giữa Bộ Công an và Bộ Quốc phòng.

B. Pháp luật về Quản lý sử dụng vũ khí

C. Pháp luật về phòng, chống khủng bố

D. Pháp luật về quyền dân sự

Câu: 11: Hệ thống tổ chức của Cảnh sát cơ động bao gồm?

A. Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động.

B. Cảnh sát cơ động công an cấp tỉnh

C. Câu a và b

D. Cảnh sát cơ động công an cấp huyện

Câu: 12: Tư lệnh Cảnh sát cơ động điều động Cảnh sát cơ động thực hiện nhiệm vụ trong các trường hợp sau đây?

A. Đơn vị Cảnh sát cơ động thuộc quyền thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch, phương án thuộc thẩm quyền phê duyệt

B. Đơn vị Cảnh sát cơ động theo phương án đã được cấp trên phê duyệt, được ủy quyền phê duyệt hoặc khi được giao chủ trì chỉ huy giải quyết các tình huống cụ thể

C. Đơn vị Cảnh sát cơ động thuộc quyền để thực hiện nhiệm vụ trong trường hợp cấp bách và đồng thời báo cáo Bộ trưởng Bộ Công an.

D. Cả a, b và c.

Câu: 13: Có mấy nội dung phối hợp thực hiện nhiệm vụ của Cảnh sát cơ động?

A. 5 nội dung

B. 7 nội dung

C. 4 nội dung

D. 3 nội dung

Câu: 14: Nguyên tắc phối hợp thực hiện nhiệm vụ của Cảnh sát cơ động được quy định như thế nào?

A. Việc phối hợp phải trên cơ sở nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, lực lượng chức năng theo quy định của pháp luật, quyết định của cấp có thẩm quyền và phù hợp với tình hình thực tế;

B. Bảo đảm sự chủ trì, điều hành tập trung, thống nhất trong công tác chỉ đạo, chỉ huy thực hiện nhiệm vụ; giữ bí mật thông tin về quốc phòng, an ninh và biện pháp nghiệp vụ của cơ quan, tổ chức, lực lượng chức năng trong quá trình phối hợp.

C. Bảo đảm chủ động, linh hoạt, cụ thể và hiệu quả, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan chủ trì, phối hợp.

D. Cả a, b và c.

Câu: 15: Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với Cảnh sát cơ động?

A. Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước đối với Cảnh sát cơ động.

B. Bộ trưởng Bộ Công an chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước đối với Cảnh sát cơ động

C. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm phối hợp với Bộ trưởng Bộ Công an thực hiện quản lý nhà nước đối với Cảnh sát cơ động.

D. Tất cả đều đúng

LUẬT PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH NĂM 2022

Câu: 1: Theo Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 thì Bạo lực gia đình là?

A. Hành vi gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất đối với thành viên khác trong gia đình

B. Hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại về thể chất, tinh thần, tình dục, kinh tế đối với thành viên khác trong gia đình.

C. Hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, tình dục, kinh tế đối với thành viên khác trong gia đình.

D. Hành vi cố ý của thành viên gia đình có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần tế đối với thành viên khác trong gia đình.

Câu: 2: Theo Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 thì có bao nhiêu nhóm hành vi bạo lực gia đình?

A. 14

B. 15

C. 16

D. 17

Câu: 3: Theo Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 thì hành vi nào dưới đây không phải là hành vi bạo lực gia đình?

A. Hành hạ, ngược đãi, đánh đập, đe dọa hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng;

B. Bỏ mặc, không quan tâm; không nuôi dưỡng, chăm sóc thành viên gia đình

C. Cường ép chứng kiến bạo lực đối với người, con vật nhằm gây áp lực thường xuyên về tâm lý;

D. Cường ép tảo hôn, kết hôn, ly hôn hoặc cản trở kết hôn, ly hôn hợp pháp;

Câu: 4: Theo Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 thì hành vi nào dưới đây là hành vi bạo lực gia đình?

A. Cường ép chứng kiến bạo lực đối với người, con vật nhằm gây áp lực thường xuyên về tâm lý;

B. Kỳ thị, phân biệt đối xử về hình thể, giới, giới tính, năng lực của thành viên gia đình;

C. Cường ép mang thai, phá thai, lựa chọn giới tính thai nhi;

D. Tất cả hành vi trên

Câu: 5: Theo Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 thì có bao nhiêu nguyên tắc trong phòng, chống bạo lực gia đình?

A. 5 nguyên tắc

B. 6 nguyên tắc

C. 7 nguyên tắc

D. 8 nguyên tắc

Câu: 6: Theo Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 thì nội dung nào dưới đây là

Nguyên tắc phòng, chống bạo lực gia đình?

A. Phòng ngừa là chính, lấy người bạo lực gia đình là trung tâm.

B. Xử lý vi phạm là chính, lấy người bị bạo lực gia đình là trung tâm.

C. Phòng ngừa là chính, lấy người bị bạo lực gia đình là trung tâm.

D. Phòng ngừa và xử lý vi phạm là chính, lấy người bị bạo lực gia đình là trung tâm.

Câu: 7: Theo Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 thì một trong những nguyên tắc phòng, chống bạo lực gia đình là ưu tiên bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ai?

A. Ưu tiên bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị bạo lực gia đình là phụ nữ mang thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, người cao tuổi, người khuyết tật, người không có khả năng tự chăm sóc

B. Ưu tiên bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị bạo lực gia đình là phụ nữ và trẻ em

C. Ưu tiên bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị bạo lực gia đình là phụ nữ mang thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi

D. Ưu tiên bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị bạo lực gia đình

Câu: 8: Theo Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022 thì một trong những nguyên tắc phòng, chống bạo lực gia đình là bảo đảm lợi ích tốt nhất của đối tượng nào dưới đây?

A. Phụ nữ và trẻ em

B. Trẻ em

C. Trẻ em, phụ nữ mang thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, người cao tuổi, người khuyết tật, người không có khả năng tự chăm sóc

D. Phụ nữ, trẻ em và người cao tuổi

Câu: 9: Cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình là:

A. Cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình do tổ chức, cá nhân thành lập vì mục đích lợi nhuận

B. Cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình do cơ quan nhà nước thành lập, hoạt động có thu phí

C. Cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình do cơ quan, tổ chức, cá nhân thành lập, hoạt động vì mục đích lợi nhuận

D. Cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình do cơ quan, tổ chức, cá nhân thành lập, hoạt động không vì mục đích lợi nhuận

Câu: 10: Cơ sở trợ giúp bạo lực gia đình gồm những cơ sở nào theo Luật Phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022?

- A. Địa chỉ tin cậy; Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; Cơ sở trợ giúp xã hội;
- B. Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý;
- C. Cơ sở khác tham gia trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình; Cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình.

D. Cả a, b và c

Câu: 11: Tháng hành động quốc gia phòng, chống bạo lực gia đình là tháng mấy?

A. Tháng 2

B. Tháng 5

C. Tháng 6

D. Tháng 11

Câu: 12: Người có hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình tùy theo mức độ có thể bị xử lý:

- A. Xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính
- B. Xử phạt vi phạm hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự
- C. Xử phạt vi phạm hành chính và bồi thường thiệt hại

D. Xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự và bồi thường thiệt hại nếu có thiệt hại xảy ra

Câu: 13: Chủ thể có trách nhiệm tổ chức các biện pháp bảo vệ người trực tiếp tham gia phòng, chống bạo lực gia đình, người báo tin, tố giác về bạo lực gia đình.

A. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

B. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp Huyện

C. Công an

D. Tòa án nhân dân

Câu: 14: Cơ quan nào có thẩm quyền quyết định áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc giữa người bị bạo lực gia đình và người có hành vi bạo lực gia đình

A. Ủy ban nhân dân cấp xã, Tòa án nhân dân

B. Viện Kiểm sát nhân dân

C. Công an

D. Tòa án nhân dân

Câu: 15: Theo Luật phòng chống bạo lực gia đình năm 2022 bạo lực gia đình là hành vi thực hiện:

A. Các thành viên trong gia đình

B. Giữa người đã ly hôn; người chung sống như vợ chồng; người là cha, mẹ, con riêng, anh, chị, em của người đã ly hôn, của người chung sống như vợ chồng; người đã từng có quan hệ cha mẹ nuôi và con nuôi với nhau

C. Cha mẹ ruột với con ruột; anh, chị, em; ông, bà cùng chung sống với nhau

D. Những người cùng dòng máu về trực hệ trong phạm vi ba đời

Câu: 16: Biện pháp “cấm tiếp xúc” trong Luật phòng chống bạo lực gia đình năm 2022 là:

A. Biện pháp cấm người có hành vi bạo lực gia đình đến gần người bị bạo lực gia đình

B. Biện pháp cấm người có hành vi bạo lực gia đình đến gần người bị bạo lực gia đình hoặc sử dụng phương tiện, công cụ để thực hiện hành vi bạo lực gia đình

C. Biện pháp giam giữ người có hành vi bạo lực gia đình tránh việc họ tiếp tục thực hiện hành vi bạo lực gia đình

D. Biện pháp tách người có hành vi bạo lực gia đình ra khỏi nơi sinh sống của người bị bạo lực gia đình

Câu: 17: Giáo dục, hỗ trợ chuyển đổi hành vi bạo lực gia đình là:

A. Cung cấp kỹ năng giải quyết mâu thuẫn giúp người có hành vi bạo lực gia đình chấm dứt bạo lực gia đình.

B. Giúp người có hành vi bạo lực gia đình kiểm chế cảm xúc tiêu cực, kiểm soát hành vi

C. Quá trình cung cấp kiến thức, kỹ năng ứng xử cho người có hành vi bạo lực gia đình

D. Quá trình cung cấp kiến thức, kỹ năng ứng xử, kiểm chế cảm xúc tiêu cực, kiểm soát hành vi, giải quyết mâu thuẫn giúp người có hành vi bạo lực gia đình chấm dứt bạo lực gia đình

Câu: 18: Luật phòng chống bạo lực gia đình năm 2022 có hiệu lực vào thời gian nào?

A. Ngày 01 tháng 6 năm 2023.

B. Ngày 01 tháng 7 năm 2023.

C. Ngày 10 tháng 9 năm 2023.

D. Ngày 01 tháng 12 năm 2023.

Câu: 19: Việc báo tin, tố giác về hành vi bạo lực gia đình thực hiện theo hình thức:

A. Trực tiếp báo tin

B. Trực tiếp báo tin, gửi đơn

C. Trực tiếp báo tin, gửi đơn, thư; gọi điện, nhắn tin

D. Trực tiếp báo tin, gửi đơn, thư; gọi điện

Câu: 20: Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam có trách nhiệm gì trong phòng, chống bạo lực gia đình?

A. Chủ trì, phối hợp phòng, chống bạo lực gia đình

B. Tổ chức hoạt động hỗ trợ sinh kế, tạo việc làm hoặc hỗ trợ khác cho người bị bạo lực gia đình

C. Chỉ đạo, tổ chức thực hiện nội dung quản lý nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình theo thẩm quyền tại địa phương

D. Tham gia giám sát việc thực hiện Luật phòng chống bạo lực gia đình

Câu: 21: Biện pháp góp ý, phê bình người có hành vi bạo lực gia đình trong cộng đồng dân cư được thực hiện đối với người bao nhiêu tuổi:

A. Từ đủ 14 tuổi trở lên

B. Từ đủ 16 tuổi trở lên

C. Từ đủ 18 tuổi trở lên

D. Từ 18 tuổi trở lên

Câu: 22: Trường hợp nào sau đây không phải là yêu cầu của việc thông tin, truyền thông, giáo dục về phòng, chống bạo lực gia đình

A. Phù hợp với trình độ, lứa tuổi, giới tính

B. Bảo đảm an toàn thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình

C. Thường xuyên, chính xác, rõ ràng, đơn giản, thiết thực

D. Công khai, minh bạch

Câu: 23: Luật phòng chống bạo lực gia đình năm 2022 có bao nhiêu Chương, bao nhiêu Điều?

A. 4 Chương 47 Điều

B. 6 Chương 56 Điều

C. 6 Chương 54 Điều

D. 7 Chương 69 Điều

Câu: 24: Cơ quan nào quy định về tổng đài điện thoại quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình để tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác về hành vi bạo lực gia đình?

A. Chính phủ

B. UBND cấp tỉnh

C. Công an

D. Tòa án nhân dân

Câu: 25: Trường hợp tin báo, tố giác về tội phạm thì việc tiếp nhận và xử lý tin báo, tố giác được thực hiện theo quy định của pháp luật:

A. Hình sự

B. Tố tụng Hình sự

C. Tố tụng Hành chính

D. Dân sự

Câu: 26: Chủ thể nào thực hiện việc bố trí nơi tạm lánh và hỗ trợ nhu cầu thiết yếu cho người bị bạo lực gia đình?

A. UBND cấp xã

B. Các tổ chức Chính trị - Xã hội

C. Công an

D. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định hoặc do cơ quan, tổ chức, cá nhân tự nguyện hỗ trợ

Câu: 27: Cá nhân khi phát hiện hành vi bạo lực gia đình có trách nhiệm:

A. Báo tin, tố giác ngay với cơ quan Công an

B. Báo tin, tố giác ngay cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền;

C. Tham gia bảo vệ, hỗ trợ người bị bạo lực gia đình và các hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình ở cộng đồng; Báo tin, tố giác ngay cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền

D. Tham gia bảo vệ, hỗ trợ người bị bạo lực gia đình và các hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình ở cộng đồng

Câu: 28: Luật phòng chống bạo lực gia đình năm 2022 quy định về:

A. Quản lý nhà nước và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân trong phòng, chống bạo lực gia đình

B. Phòng ngừa, ngăn chặn, bảo vệ, hỗ trợ, xử lý vi phạm trong phòng, chống bạo lực gia đình; điều kiện bảo đảm phòng, chống bạo lực gia đình; quản lý nhà nước và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân trong phòng, chống bạo lực gia đình

C. Điều kiện bảo đảm phòng, chống bạo lực gia đình; quản lý nhà nước và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân trong phòng, chống bạo lực gia đình

D. Phòng ngừa, ngăn chặn, bảo vệ, hỗ trợ, chống bạo lực gia đình; điều kiện bảo đảm phòng, chống bạo lực gia đình; quản lý nhà nước và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân trong phòng, chống bạo lực gia đình.

Câu: 29: Dòng nào sau đây Không đúng đối với quy định về Hòa giải trong Luật phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022?

A. Hòa giải trong phòng, chống bạo lực gia đình là việc người tiến hành hòa giải hướng dẫn các bên tự nguyện giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp giữa các thành viên gia đình

B. Bảo đảm tôn trọng sự tự nguyện của các bên và an toàn của người bị bạo lực gia đình

C. Hòa giải trong phòng, chống bạo lực gia đình thay thế biện pháp xử lý người có hành vi bạo lực gia đình.

D. Bảo đảm chủ động, kịp thời, kiên trì;

Câu: 30: Hành vi nào sau đây bị nghiêm cấm trong Luật phòng, chống bạo lực gia đình năm 2022?

A. Yêu sách của cải trong kết hôn

B. Bóc lột sức lao động

C. Cưỡng ép thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở hợp pháp trái pháp luật

D. Chiếm đoạt, hủy hoại tài sản của người khác

LUẬT KINH DOANH BẢO HIỂM NĂM 2022

Câu: 1: Hoạt động cung cấp thông tin, tư vấn cho bên mua bảo hiểm về loại hình bảo hiểm, sản phẩm bảo hiểm, chương trình bảo hiểm, điều kiện, điều khoản, phí bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam; các hoạt động liên quan đến việc đàm phán, thu xếp giao kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm gọi là gì?

A. Hoạt động kinh doanh bảo hiểm

B. Kinh doanh tái bảo hiểm

C. Nhượng tái bảo hiểm

D. Hoạt động môi giới bảo hiểm

Câu: 2: Hoạt động đại lý bảo hiểm là một hoặc một số hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức trong hồ cung cấp bảo hiểm vi mô, bao gồm những gì?

A. Tư vấn sản phẩm bảo hiểm; giới thiệu sản phẩm bảo hiểm; chào bán sản phẩm bảo hiểm

B. Thu xếp việc giao kết hợp đồng bảo hiểm; thu phí bảo hiểm

C. Thu thập hồ sơ để phục vụ việc giải quyết bồi thường, trả tiền bảo hiểm

D. Cả a, b, c đều đúng

Câu: 3: Nêu các loại hình bảo hiểm?

A. Bảo hiểm nhân thọ;

B. Bảo hiểm sức khỏe;

C. Bảo hiểm phi nhân thọ.

D. Cả a, b, c đều đúng

Câu: 4: Sự thoả thuận giữa bên mua bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức trong hồ cung cấp bảo hiểm vi mô, theo đó bên mua bảo hiểm phải đóng phí bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức trong hồ cung cấp bảo hiểm vi mô phải bồi thường, trả tiền bảo hiểm theo thỏa thuận trong hợp đồng được gọi là?

A. Hợp đồng bảo hiểm

B. Doanh nghiệp bảo hiểm

C. Bảo hiểm sức khỏe

D. Bảo hiểm nhân thọ

Câu: 5: Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm chủ động thiết lập, duy trì và vận hành hệ thống công nghệ thông tin phù hợp với quy mô hoạt động và đáp ứng yêu cầu tối thiểu nào sau đây?

A. Có hệ thống máy chủ, hệ thống phần mềm và các giải pháp kỹ thuật để cập nhật, thống kê, xử lý, lưu trữ thông tin đáp ứng yêu cầu quản lý hoạt động kinh doanh bảo hiểm, đáp ứng yêu cầu an ninh mạng, an toàn thông tin mạng

B. Có hệ thống công nghệ thông tin tạo thuận lợi cho việc điều hành, kiểm soát rủi ro của doanh nghiệp và công tác kiểm tra, giám sát của cơ quan quản lý

C. Có giải pháp về công nghệ thông tin để dự phòng thảm họa và bảo đảm không bị gián đoạn hoạt động kinh doanh.

D. Cả a, b, c đều đúng

Câu: 6: Tổ chức, cá nhân được phép cung cấp dịch vụ, sản phẩm bảo hiểm trên môi trường mạng bao gồm?

A. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô

B. Đại lý bảo hiểm

C. Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm

D. Cả a, b, c đều đúng

Câu: 7: Nêu các loại hợp đồng bảo hiểm?

A. Hợp đồng bảo hiểm nhân thọ; Hợp đồng bảo hiểm sức khỏe

B. Hợp đồng bảo hiểm tài sản

C. Hợp đồng bảo hiểm thiệt hại; Hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm

D. Cả b và c

Câu: 8: Việc giao kết và thực hiện hợp đồng bảo hiểm phải tuân thủ theo mấy nguyên tắc cơ bản?

A. 5 nguyên tắc

B. 2 nguyên tắc

C. 3 nguyên tắc

D. 4 nguyên tắc

Câu: 9: Hợp đồng bảo hiểm phải có những nội dung chủ yếu nào sau đây?

A. Bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm, người thụ hưởng (nếu có), doanh nghiệp bảo hiểm hoặc chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài; Đối tượng bảo hiểm;

B. Số tiền bảo hiểm hoặc giá trị tài sản được bảo hiểm hoặc giới hạn trách nhiệm bảo hiểm; Phạm vi hoặc quyền lợi bảo hiểm; quy tắc, điều kiện, điều khoản bảo hiểm; Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài và bên mua bảo hiểm

C. Thời hạn bảo hiểm, thời điểm có hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm; Mức phí bảo hiểm, phương thức đóng phí bảo hiểm; Phương thức bồi thường, trả tiền bảo hiểm; Phương thức giải quyết tranh chấp

D. Tất cả a, b và c

Câu: 10: Hình thức, bằng chứng giao kết hợp đồng bảo hiểm?

- A. Hợp đồng bảo hiểm phải được lập thành văn bản
- B. Bằng chứng giao kết hợp đồng bảo hiểm là hợp đồng, giấy chứng nhận bảo hiểm, đơn bảo hiểm
- C. hình thức khác theo quy định của pháp luật

D. Cả a, b và c.

Câu: 11: Khi có sự thay đổi những yếu tố làm cơ sở để tính phí bảo hiểm dẫn đến giảm các rủi ro được bảo hiểm, căn cứ thỏa thuận trong hợp đồng bảo hiểm, bên mua bảo hiểm có quyền yêu cầu doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài thực hiện một trong các nội dung nào sau đây?

- A. Giảm phí bảo hiểm cho thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm;
- B. Tăng số tiền bảo hiểm cho thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm;
- C. Kéo dài thời hạn bảo hiểm; Mở rộng phạm vi bảo hiểm cho thời gian còn lại của hợp đồng bảo hiểm

D. Cả a, b và c

Câu: 12: Đối tượng bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, hợp đồng bảo hiểm sức khỏe?

- A. Đối tượng bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ là tuổi thọ, tính mạng con người.
- B. Đối tượng bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm sức khỏe là sức khỏe con người.

C. Cả a và b

D. Đối tượng bảo hiểm của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ là doanh nghiệp.

Câu: 13: Khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, trường hợp người thứ ba có trách nhiệm bồi thường do hành vi gây thiệt hại cho người được bảo hiểm thì thực hiện như thế nào?

- A. Sau khi doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài trả tiền bồi thường, người được bảo hiểm có trách nhiệm chuyển cho doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài quyền yêu cầu người thứ ba bồi hoàn số tiền mà doanh nghiệp đã bồi thường;

B. Doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài có quyền khấu trừ số tiền bồi thường tùy theo mức độ lỗi của người được bảo hiểm nếu người được bảo hiểm từ chối chuyển quyền yêu cầu người thứ ba bồi hoàn

C. Cả a và b đều đúng

D. Cả a và b đều sai

Câu: 14: Bên mua bảo hiểm có quyền lợi có thể được bảo hiểm đối với những người nào sau đây?

A. Bản thân bên mua bảo hiểm; Vợ, chồng, cha, mẹ, con của bên mua bảo hiểm

B. Anh ruột, chị ruột, em ruột hoặc người khác có quan hệ nuôi dưỡng, cấp dưỡng với bên mua bảo hiểm

C. Người có quyền lợi về tài chính hoặc quan hệ lao động với bên mua bảo hiểm; Người được bảo hiểm đồng ý bằng văn bản cho bên mua bảo hiểm mua bảo hiểm sức khỏe cho mình

D. Cả câu a, b và c

Câu: 15: Trường hợp phí bảo hiểm được đóng nhiều lần và bên mua bảo hiểm đã đóng một hoặc một số kỳ phí bảo hiểm nhưng không thể đóng được các khoản phí bảo hiểm tiếp theo thì thời gian gia hạn đóng phí là bao lâu?

A. 60 ngày

B. 40 ngày

C. 30 ngày

D. 15 ngày

LUẬT THANH TRA NĂM 2022

Câu: 1: Theo Luật Thanh tra năm 2022, Phạm vi thanh tra là:

A. Giới hạn cụ thể về nội dung thanh tra được xác định trong quyết định thanh tra.

B. Giới hạn cụ thể về nội dung thanh tra và đối tượng thanh tra được xác định trong quyết định thanh tra.

C. Giới hạn cụ thể về thời kỳ thanh tra được xác định trong quyết định thanh tra.

D. Giới hạn cụ thể về nội dung thanh tra, đối tượng thanh tra và thời kỳ thanh tra được xác định trong quyết định thanh tra.

Câu: 2: Theo Luật Thanh tra năm 2022, chức năng của cơ quan thanh tra được quy định như thế nào?

A. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan thanh tra giúp cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện quản lý nhà nước về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

B. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan thanh tra giúp cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện quản lý nhà nước về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tiến hành thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

C. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan thanh tra giúp cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện quản lý nhà nước về công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tiến hành thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực theo quy định của pháp luật.

D. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cơ quan thanh tra giúp cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện quản lý nhà nước về công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; tiến hành thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

Câu: 3: Theo Luật Thanh tra năm 2022, cơ quan thanh tra theo ngành, lĩnh vực bao gồm:

A. Thanh tra Bộ, cơ quan ngang Bộ.

B. Thanh tra Tổng cục, Cục thuộc Bộ và tương đương.

C. Thanh tra sở.

D. Cả A, B, C đều đúng

Câu: 4: Theo Luật Thanh tra năm 2022, Thanh tra sở được thành lập trong các trường hợp nào?

A. Theo quy định của luật.

B. Tại sở có phạm vi quản lý rộng và yêu cầu quản lý chuyên ngành phức tạp theo quy định của Chính phủ.

C. Tại sở do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định căn cứ vào yêu cầu quản lý nhà nước tại địa phương và biên chế được giao

D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu: 5: Theo Luật Thanh tra năm 2022, có mấy hình thức thanh tra?

A. 2

B. 3

C. 4

D. 5

Câu: 6: Luật Thanh tra năm 2022 quy định việc thanh tra đột xuất được tiến hành khi nào?

A. Khi phát hiện cơ quan, tổ chức, cá nhân có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

B. Theo yêu cầu của việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

C. Do Thủ trưởng cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền giao

D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu: 7: Luật Thanh tra năm 2022 quy định thời hạn thực hiện một cuộc thanh tra do Thanh tra Bộ, Thanh tra Tổng cục, Cục, Thanh tra tỉnh tiến hành là bao nhiêu ngày?

A. Không quá 30 ngày; trường hợp phức tạp thì có thể gia hạn một lần không quá 15 ngày.

B. Không quá 45 ngày; trường hợp phức tạp thì có thể gia hạn một lần không quá 30 ngày.

C. Không quá 45 ngày; trường hợp phức tạp thì có thể gia hạn tối đa hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày.

D. Không quá 60 ngày; trường hợp phức tạp thì có thể gia hạn tối đa hai lần, mỗi lần không quá 30 ngày

Câu: 8: Luật Thanh tra năm 2022 quy định trình tự, thủ tục tiến hành một cuộc thanh tra hành chính gồm có mấy bước?

A. 2 bước

B. 3 bước

C. 4 bước

D. 5 bước

Câu: 9: Theo Luật Thanh tra năm 2022, quyết định thanh tra phải được gửi đến đối tượng thanh tra và công bố chậm nhất là bao nhiêu ngày trước ngày tiến hành thanh tra trực tiếp đối với cuộc thanh tra theo kế hoạch?

A. 5 ngày.

B. 10 ngày.

C. 15 ngày

D. 20 ngày

Câu: 10: Theo Luật Thanh tra năm 2022, người ra quyết định thanh tra có thể đình chỉ, thay đổi Trưởng đoàn thanh tra, thành viên khác của Đoàn thanh tra trong trường hợp nào?

A. Khi không đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ thanh tra.

B. Khi có hành vi vi phạm pháp luật, xung đột lợi ích

C. Vì lý do khách quan khác mà không thể thực hiện nhiệm vụ thanh tra

D. Cả A, B, C đều đúng.

Câu: 11: Luật Thanh tra năm 2022 quy định tạm dừng cuộc thanh tra trong trường hợp đối tượng thanh tra đề nghị tạm dừng cuộc thanh tra mà có lý do chính đáng và được người ra quyết định thanh tra đồng ý thì thời hạn tạm dừng cuộc thanh tra là bao nhiêu ngày?

A. Không quá 20 ngày.

B. Không quá 30 ngày.

C. Không quá 45 ngày.

D. Không quá 60 ngày.

Câu: 12: Luật Thanh tra năm 2022 quy định thời hạn ban hành kết luận thanh tra là bao nhiêu ngày, kể từ ngày nhận được dự thảo kết luận thanh tra?

A. Trong thời hạn 5 ngày

B. Trong thời hạn 10 ngày.

C. Trong thời hạn 15 ngày.

D. Trong thời hạn 20 ngày.

Câu: 13: Theo Luật Thanh tra năm 2022, hình thức công khai kết luận thanh tra nào sau đây là hình thức công khai bắt buộc?

A. Đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan thanh tra hoặc cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp.

B. Tổ chức cuộc họp công bố kết luận thanh tra với thành phần bao gồm người ra quyết định thanh tra, Đoàn thanh tra, đối tượng thanh tra, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan hoặc tổ chức họp báo.

C. Thông báo trên ít nhất một phương tiện thông tin đại chúng. Đối với cuộc thanh tra do

Thanh tra Chính phủ, Thanh tra Bộ, Thanh tra Tổng cục, Cục tiến hành thì thông báo trên một phương tiện thông tin đại chúng ở trung ương; đối với cuộc thanh tra do Thanh tra tỉnh, Thanh tra sở, Thanh tra huyện tiến hành thì thông báo trên một phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương.

D. Niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan, tổ chức là đối tượng thanh tra.

Câu: 14: Theo Luật Thanh tra năm 2022, đáp án nào không thuộc nội dung giám sát hoạt động của Đoàn thanh tra?

A. Việc chấp hành các quy định của pháp luật về căn cứ, thẩm quyền và trình tự, thủ tục thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn trong hoạt động thanh tra của Trưởng đoàn thanh tra, thành viên khác của Đoàn thanh tra.

B. Việc chấp hành chỉ đạo của người ra quyết định thanh tra; việc thực hiện quyết định thanh tra, kế hoạch tiến hành thanh tra; việc chấp hành chế độ thông tin, báo cáo.

C. Việc chấp hành quy định của pháp luật về các hành vi bị nghiêm cấm của Trưởng đoàn thanh tra, thành viên khác của Đoàn thanh tra; việc tiếp nhận khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trong hoạt động của Đoàn thanh tra.

D. Nội dung khác khi được Người ra quyết định thanh tra giao.

Câu: 15: Luật Thanh tra năm 2022 có hiệu lực thi hành từ thời điểm nào?

A. Từ ngày 01 tháng 5 năm 2023.

B. Từ ngày 01 tháng 6 năm 2023.

C. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

D. Từ ngày 01 tháng 8 năm 2023.

LUẬT THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ NĂM 2022

Câu: 1: Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 có hiệu lực thi hành vào ngày tháng năm nào?

A. Ngày 01 tháng 7 năm 2023

B. Ngày 01 tháng 7 năm 2024

C. Ngày 01 tháng 01 năm 2023

D. Ngày 10 tháng 11 năm 2022

Câu: 2: Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở có bao nhiêu Chương, bao nhiêu Điều?

A. 6 Chương, 90 Điều

B. 5 Chương, 91 Điều

C. 6 Chương, 91 Điều

D. 7 Chương, 91 Điều

Câu: 3: Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022 được Quốc hội thông qua ngày tháng năm nào?

A. Ngày 01/7/2023

B. Ngày 10/11/2022

C. Ngày 01/7/2022

D. Ngày 01/01/2022

Câu: 4: Có bao nhiêu nguyên tắc thực hiện dân chủ ở cơ sở?

A. 4 nguyên tắc

B. 5 nguyên tắc

C. 6 nguyên tắc

D. 7 nguyên tắc

Câu: 5: Theo Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022, hành vi nào bị nghiêm cấm trong thực hiện dân chủ ở cơ sở?

A. Giả mạo giấy tờ, gian lận hoặc dùng thủ đoạn khác để làm sai lệch kết quả bàn, quyết định, tham gia ý kiến của công dân.

B. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở

C. Bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho người được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở

D. Phát hiện và xử lý nghiêm cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Câu: 6: Theo Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022, nội dung nào chính quyền địa phương cấp xã phải công khai?

A. Việc quản lý và sử dụng các loại quỹ, khoản đầu tư, tài trợ theo chương trình, dự án đối với địa bàn cấp xã; các khoản huy động Nhân dân đóng góp.

B. Đối tượng, mức thu các loại phí, lệ phí và nghĩa vụ tài chính khác do chính quyền địa phương các cấp trực tiếp thực hiện

C. Số lượng, đối tượng, tiêu chuẩn gọi nhập ngũ; danh sách công dân đủ điều kiện nhập ngũ và thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân trên địa bàn huyện.

D. Tất cả các đáp án đều đúng

Câu: 7: Theo Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022, nội dung nào Nhân dân bàn và quyết định?

A. Nội dung hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư

B. Bầu, cho thôi làm Trưởng ban công tác Mặt trận ở thôn, Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

C. Dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cấp xã

D. Tất cả các đáp án đều đúng

Câu: 8: Theo Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022, có bao nhiêu hình thức để Nhân dân ở thôn, tổ dân phố bàn và quyết định?

A. 04 hình thức

B. 03 hình thức

C. 02 hình thức

D. 01 hình thức

Câu: 9: Theo Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở, thành phần tham dự cuộc họp của cộng đồng dân cư gồm:

A. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, đại diện các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố

B. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố

C. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố, tất cả công dân trong thôn, tổ dân phố

D. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Ban công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố, đại diện các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố

Câu: 10: Theo Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022, Quyết định của cộng đồng dân cư về nội dung hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư được thông qua khi:

A. Có 100% tổng số đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành

B. Có từ 2/3 tổng số đại diện hộ gia đình trở lên trong thôn, tổ dân phố tán thành

C. Có từ 50% tổng số đại diện hộ gia đình trở lên trong thôn, tổ dân phố tán thành

D. Có trên 50% tổng số đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành

Câu: 11: Theo Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022, thời điểm có hiệu lực của Quyết

định của cộng đồng dân cư về nội dung bầu, cho thôi làm thành viên Ban Thanh tra nhân dân?

A. Kể từ ngày được cộng đồng dân cư biểu quyết thông qua

B. Kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định công nhận

C. Kể từ ngày Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã ban hành quyết định công nhận.

D. Kể từ ngày Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện ban hành quyết định công nhận

Câu: 12: Theo Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022, Trường hợp nào quyết định của cộng đồng dân cư được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ?

A. Có nội dung trái với quy định của pháp luật, không phù hợp với thuần phong, mỹ tục, đạo đức xã hội;

B. Không tuân thủ quy định về trình tự, thủ tục thông qua văn bản của cộng đồng dân cư theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan;

C. Cộng đồng dân cư thấy cần thiết phải sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ

D. Tất cả các đáp án đều đúng

Câu: 13: Theo Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022, nội dung nào Nhân dân tham gia ý kiến trước khi cơ quan có thẩm quyền quyết định?

A. Dự thảo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cấp huyện

B. Phương án phát triển ngành, nghề của cấp huyện

C. Dự thảo quy hoạch sử dụng đất cấp huyện

D. Dự thảo quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân cấp xã

Câu: 14: Theo Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, có bao nhiêu hình thức lấy ý kiến Nhân dân?

A. 10 hình thức

B. 6 hình thức

C. 8 hình thức

D. 3 hình thức

Câu: 15: Theo Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022, công dân trực tiếp thực hiện việc kiểm tra giám sát thông qua hình thức nào?

A. Hoạt động lao động, sản xuất, học tập, công tác, sinh hoạt của công dân ở cộng đồng dân cư

B. Tham dự hội nghị trao đổi, đối thoại giữa Ủy ban nhân dân cấp xã với Nhân dân, hội nghị

tiếp xúc cử tri, hoạt động tiếp công dân

C. Quan sát, tìm hiểu, giao tiếp với cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người dân ở cộng đồng dân cư

D. Tất cả các đáp án đều đúng

Câu: 16: Theo Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022, đáp án nào sau đây đúng?

A. Hội nghị của cộng đồng dân cư được tổ chức định kỳ mỗi năm một lần vào thời gian giữa năm

B. Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp tổ chức ít nhất hai lần hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân trên địa bàn về tình hình hoạt động của Ủy ban nhân dân và những vấn đề liên quan đến quyền và nghĩa vụ của công dân ở địa phương.

C. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố có trách nhiệm triệu tập, chủ trì hội nghị của cộng đồng dân cư. Thành phần tham dự hội nghị là đại diện của toàn thể các hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố.

D. Cả a, b, c đều đúng

Câu: 17: Chọn đáp án đúng

A. Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn gồm các thành viên được bầu từ các thôn, tổ dân phố trên địa bàn cấp xã. Số lượng thành viên Ban Thanh tra nhân dân tương ứng số lượng thôn, tổ dân phố trên địa bàn cấp xã nhưng không ít hơn 05 người

B. Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn gồm các thành viên được bầu từ các thôn, tổ dân phố trên địa bàn cấp xã. Số lượng thành viên Ban Thanh tra nhân dân tương ứng số lượng thôn, tổ dân phố trên địa bàn cấp xã nhưng không nhiều hơn 05 người.

C. Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn gồm các thành viên được bầu từ các thôn, tổ dân phố trên địa bàn cấp xã. Số lượng thành viên Ban Thanh tra nhân dân tương ứng số lượng thôn, tổ dân phố trên địa bàn cấp xã nhưng không ít hơn 06 người.

D. Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn gồm các thành viên được bầu từ các thôn, tổ dân phố trên địa bàn cấp huyện. Số lượng thành viên Ban Thanh tra nhân dân tương ứng số lượng thôn, tổ dân phố trên địa bàn cấp xã nhưng không ít hơn 05 người.

Câu: 18: Theo Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022, một trong các tiêu chuẩn thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn phải có?

A. Có phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín trong cộng đồng dân cư, có đủ sức khỏe để hoàn

thành nhiệm vụ; có hiểu biết về chính sách, pháp luật và tự nguyện tham gia Ban Thanh tra nhân dân.

B. Là công dân thường trú trên địa bàn và có thể đồng thời là cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố

C. Có văn bằng, chứng chỉ phù hợp

D. Tất cả các đáp án đều đúng

Câu: 19: Theo Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022, Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường, thị trấn do đơn vị nào trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn?

A. Ủy ban nhân dân cấp xã

B. Ủy ban nhân dân cấp huyện

C. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã

D. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp

Câu: 20: Theo Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, đáp án nào sau đây đúng?

A. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng được Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập và trực tiếp chỉ đạo hoạt động

B. Thành viên Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng là công dân Việt Nam và có thể đồng thời là cán bộ, công chức cấp xã

C. Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng có quyền yêu cầu cơ quan quản lý nhà nước có liên quan trả lời về các vấn đề thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

D. Tất cả các đáp án đều đúng

Câu: 21: Theo Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, nội dung nào cán bộ, công chức, viên chức, người lao động bàn và quyết định?

A. Nội dung Nghị quyết hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động

B. Kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, đơn vị.

C. Báo cáo sơ kết, tổng kết của cơ quan, đơn vị.

D. Dự thảo quy chế thực hiện dân chủ của cơ quan, đơn vị

Câu: 22: Theo Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022, Nghị quyết của Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động được thông qua khi:

A. Có ít nhất 2/3 tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của cơ quan, đơn vị tán thành và nội dung không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với đạo đức xã hội

B. Có ít nhất 2/3 tổng số đại biểu được triệu tập tán thành và nội dung không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với đạo đức xã hội

C. Có 100% tổng số người dự hội nghị tán thành và nội dung không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với đạo đức xã hội

D. Có trên 50% tổng số người dự hội nghị tán thành và nội dung không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với đạo đức xã hội.

Câu: 23: Theo Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trực tiếp thực hiện việc kiểm tra, giám sát thông qua hình thức nào?

A. Hoạt động lao động, sản xuất, học tập, công tác, sinh hoạt của công dân ở cộng đồng dân cư;

B. Quan sát, tìm hiểu, giao tiếp với cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người dân ở cộng đồng dân cư;

C. Tiếp cận các thông tin được công khai; các thông tin, báo cáo của chính quyền địa phương cấp xã, cán bộ, công chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao quản lý hoặc thực hiện các nội dung Nhân dân đã bàn và quyết định;

D. Tham dự Hội nghị cán bộ, công chức, viên chức, người lao động

Câu: 24: Theo Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022, đáp án nào sau đây đúng nhất.

A. Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị do người đứng đầu cơ quan, đơn vị bầu theo đề nghị của Ban Chấp hành công đoàn cơ quan, đơn vị

B. Thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị là người đang công tác trong cơ quan, đơn vị; đồng thời là người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu của cơ quan, đơn vị

C. Nhiệm kỳ của Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị là 02 năm

D. Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị do người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện

Câu: 25: Ban Chấp hành Công đoàn cơ quan, đơn vị có trách nhiệm gì trong việc bảo đảm hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở cơ quan, đơn vị?

A. Vận động cán bộ, công chức, viên chức, người lao động ở cơ quan, đơn vị phối hợp và tích cực hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân

B. Trực tiếp đối thoại, cung cấp thông tin hoặc yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu cần thiết theo yêu cầu của Ban Thanh tra nhân dân

C. Thông báo cho Ban Thanh tra nhân dân kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, việc thực hiện pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ quan, đơn vị

D. Xử lý người có hành vi cản trở hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân, người có hành vi trả thù, trù dập thành viên Ban Thanh tra nhân dân theo quy định của pháp luật.

Câu: 26: Theo Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022, nội dung người lao động ở doanh nghiệp Nhà nước bàn và quyết định?

A. Chủ trương và mức đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, các công trình công cộng trong phạm vi địa bàn cấp xã, ở thôn, tổ dân phố do Nhân dân đóng góp toàn bộ hoặc một phần kinh phí, tài sản, công sức.

B. Nội dung nghị quyết của hội nghị người lao động

C. Việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung nội quy, quy chế và các quy định nội bộ khác của doanh nghiệp có liên quan đến nghĩa vụ, quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động

D. Việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung thang lương, bảng lương, định mức lao động

Câu: 27: Nhận định nào sau đây đúng?

A. Hội nghị người lao động ở doanh nghiệp nhà nước do Ban Chấp hành Công đoàn ở doanh nghiệp tổ chức

B. Hội nghị người lao động ở doanh nghiệp nhà nước được tổ chức định kỳ mỗi năm một lần vào đầu năm

C. Hội nghị người lao động ở doanh nghiệp nhà nước được tổ chức hợp lệ khi có ít nhất là 2/3 tổng số người lao động của doanh nghiệp hoặc ít nhất là 2/3 tổng số đại biểu được triệu tập có mặt

D. Nghị quyết, quyết định của hội nghị người lao động ở doanh nghiệp nhà nước được thông qua khi có ít nhất 50% tổng số người dự hội nghị tán thành và nội dung không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với đạo đức xã hội

Câu: 28: Người lao động ở doanh nghiệp nhà nước tham gia ý kiến thông qua hình thức nào?

A. Tham gia ý kiến trực tiếp hoặc thông qua người trực tiếp phụ trách của đơn vị, bộ phận của doanh nghiệp;

B. Thông qua tổ chức đại diện người lao động, nhóm đại diện đối thoại của người lao động;

C. Thông qua hội nghị đối thoại tại doanh nghiệp;

D. Tất cả các đáp án đều đúng

Câu: 29: Nhận định nào sau đây đúng

- A. Ban Thanh tra nhân dân ở doanh nghiệp nhà nước do Ban Chấp hành Công đoàn bầu
- B. Thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở doanh nghiệp nhà nước là người đang làm việc trong doanh nghiệp nhà nước, có phẩm chất đạo đức tốt, có uy tín trong doanh nghiệp, có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ, có văn bằng, chứng chỉ phù hợp và tự nguyện tham gia Ban Thanh tra nhân dân

C. Thành viên Ban Thanh tra nhân dân ở doanh nghiệp nhà nước không đồng thời là người đại diện có thẩm quyền, thành viên ban lãnh đạo, điều hành, kế toán trưởng của doanh nghiệp

D. Tất cả các đáp án đều đúng

Câu: 30: Nhận định nào sau đây đúng?

- A. Ban Thanh tra nhân dân ở doanh nghiệp nhà nước do Ban Chấp hành Công đoàn tại doanh nghiệp trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn hoạt động
- B. Ban Thanh tra nhân dân ở doanh nghiệp nhà nước có trách nhiệm báo cáo về hoạt động của mình với Ban Chấp hành công đoàn và tại hội nghị người lao động của doanh nghiệp nhà nước
- C. Ban Thanh tra nhân dân ở doanh nghiệp nhà nước có nhiệm vụ, quyền hạn xem xét, xác minh vụ việc vụ thể theo đề nghị của người lao động ở doanh nghiệp

D. Tất cả các đáp án đều đúng

LUẬT SỐ 07/2022/QH15 NGÀY 16/6/2022 SỬA ĐỔI BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ.

Câu: 1: Theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ, quyền sở hữu trí tuệ là gì ?

- A. Quyền sở hữu trí tuệ là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng
- B. Quyền sở hữu trí tuệ là quyền của tổ chức, cá nhân đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa
- C. Quyền sở hữu trí tuệ là quyền của tổ chức, cá nhân đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu và quyền chống cạnh tranh không lành mạnh

D. Quyền sở hữu trí tuệ là quyền của tổ chức, cá nhân đối với giống cây trồng mới do mình chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển hoặc được hưởng quyền sở hữu

Câu: 2: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ, quyền đăng ký chỉ dẫn địa lý của Việt Nam thuộc về ai ?

A. Tổ chức

B. Cá nhân

C. Nhà nước

D. Tất cả các đáp án đều đúng

Câu: 3: Theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ, hành vi nào sau đây là hành vi xâm phạm quyền tác giả?

A. Sản xuất, phân phối, nhập khẩu, chào bán, bán, quảng bá, quảng cáo, tiếp thị, cho thuê hoặc tàng trữ nhằm mục đích thương mại các thiết bị, sản phẩm hoặc linh kiện, giới thiệu hoặc cung cấp dịch vụ khi biết hoặc có cơ sở để biết thiết bị, sản phẩm, linh kiện hoặc dịch vụ đó được sản xuất, sử dụng nhằm vô hiệu hóa biện pháp công nghệ hữu hiệu bảo vệ quyền tác giả

B. Cố ý xóa, gỡ bỏ hoặc thay đổi thông tin quản lý quyền mà không được phép của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả khi biết hoặc có cơ sở để biết việc thực hiện hành vi đó sẽ xúi giục, tạo khả năng, tạo điều kiện thuận lợi hoặc che giấu hành vi xâm phạm quyền tác giả theo quy định của pháp luật

C. Cố ý phân phối, nhập khẩu để phân phối, phát sóng, truyền đạt hoặc cung cấp đến công chúng bản sao tác phẩm khi biết hoặc có cơ sở để biết thông tin quản lý quyền đã bị xóa, gỡ bỏ, thay đổi mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả; khi biết hoặc có cơ sở để biết việc thực hiện hành vi đó sẽ xúi giục, tạo khả năng, tạo điều kiện thuận lợi hoặc che giấu hành vi xâm phạm quyền tác giả theo quy định của pháp luật

D. Tất cả đáp án trên

Câu: 4: Theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ, đối tượng nào dưới đây thuộc phạm vi bảo hộ quyền tác giả

A. Tin tức thời sự thuần túy đưa tin

B. Văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hành chính, văn bản khác thuộc lĩnh vực tư pháp và bản dịch chính thức của văn bản đó

C. Bản họa đồ, sơ đồ, bản đồ, bản vẽ liên quan đến địa hình, kiến trúc, công trình khoa học

D. Quy trình, hệ thống, phương pháp hoạt động, khái niệm, nguyên lý, số liệu

Câu: 5: Nhà nước là đại diện chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan trong các trường hợp nào dưới đây?

A. Tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng được sáng tạo do cơ quan sử dụng ngân sách nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ, đấu thầu

B. Tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng được chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan, đồng chủ sở hữu quyền tác giả, đồng chủ sở hữu quyền liên quan chuyển giao quyền tác giả, quyền liên quan cho Nhà nước

C. Tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng trong thời hạn bảo hộ mà chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan, đồng chủ sở hữu quyền tác giả, đồng chủ sở hữu quyền liên quan chết không có người thừa kế; người thừa kế từ chối nhận di sản hoặc không được quyền hưởng di sản

D. Tất cả đáp án trên

Câu: 6: Thời hạn bảo hộ quyền tác giả đối với tác phẩm điện ảnh, nhiếp ảnh, mỹ thuật ứng dụng chưa được công bố là bao lâu?

A. 15 năm

B. 20 năm

C. 25 năm

D. Vô thời hạn

Câu: 7: Kiểu dáng công nghiệp được bảo hộ khi đáp ứng các điều kiện nào sau đây?

A. Có tính mới, có tính sáng tạo, có khả năng áp dụng công nghiệp

B. Có tính mới, có khả năng áp dụng công nghiệp

C. Có tính sáng tạo, có khả năng áp dụng công nghiệp

D. Có khả năng áp dụng công nghiệp

Câu: 8: Theo Luật sở hữu trí tuệ, tác phẩm nào dưới đây không thuộc trường hợp Nhà nước là chủ sở hữu quyền tác giả?

A. Tác phẩm khuyết danh

B. Tác phẩm khuyết danh mà có tổ chức, cá nhân đang quản lý tác phẩm khuyết danh được hưởng quyền của chủ sở hữu

C. Tác phẩm còn trong thời hạn bảo hộ mà chủ sở hữu quyền tác giả chết không có người thừa

kế, người thừa kế từ chối nhận di sản hoặc không được quyền hưởng di sản;

D. Tác phẩm được chủ sở hữu quyền tác giả chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước.

Câu: 9: Việc thực hiện, sửa đổi, chấm dứt, hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng quyền tác giả, quyền liên quan được áp dụng theo quy định nào?

A. Bộ luật dân sự

B. Luật sửa đổi, bổ sung Luật Sở hữu trí tuệ

C. Luật Thương mại

D. Luật Doanh nghiệp

Câu: 10: Quyền nhân thân của người biểu diễn bao gồm ?

A. Được giới thiệu tên khi biểu diễn, khi phát hành bản ghi âm, ghi hình, phát sóng cuộc biểu diễn; Bảo vệ sự toàn vẹn của hình tượng biểu diễn không cho người khác xuyên tạc; không cho người khác sửa đổi, cắt xén dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của người biểu diễn

B. Cho thuê thương mại tới công chúng bản gốc, bản sao cuộc biểu diễn của mình đã được định hình trong bản ghi âm, ghi hình, kể cả sau khi được phân phối bởi người biểu diễn hoặc với sự cho phép của người biểu diễn

C. Phát sóng, truyền đạt đến công chúng bản định hình cuộc biểu diễn của mình, bao gồm cả cung cấp đến công chúng bản định hình cuộc biểu diễn theo cách mà công chúng có thể tiếp cận được tại địa điểm và thời gian do họ lựa chọn

D. Tất cả đáp án trên

Câu: 11: Loại hình tác phẩm nào sau đây không được bảo hộ quyền tác giả?

A. Tác phẩm âm nhạc

B. Quy trình, hệ thống, phương pháp hoạt động, khái niệm, nguyên lý, số liệu

C. Chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu.

D. Bản họa đồ, sơ đồ, bản đồ, bản vẽ liên quan đến địa hình, kiến trúc, công trình khoa học

Câu: 12: Thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền tác giả, Giấy chứng nhận đăng ký quyền liên quan

A. 10 ngày làm việc

B. 15 ngày làm việc

C. 20 ngày làm việc

D. 25 ngày làm việc

Câu: 13: Bằng bảo hộ giống cây trồng bị hủy bỏ hiệu lực trong trường hợp nào?

A. Chủ bằng bảo hộ không nộp lệ phí duy trì hiệu lực theo quy định

B. Giống cây trồng được bảo hộ không còn đáp ứng điều kiện về tính đồng nhất và tính ổn định như tại thời điểm cấp Bằng

C. Chủ bằng bảo hộ không thay đổi tên giống cây trồng theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về quyền đối với giống cây trồng

D. Giống cây trồng được bảo hộ không đáp ứng các điều kiện về tính mới hoặc tính khác biệt tại thời điểm cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng

Câu: 14: Xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ gồm những biện pháp nào?

A. Biện pháp dân sự

B. Biện pháp hành chính

C. Biện pháp hình sự

D. Tất cả đáp án trên

Câu: 15: Trong trường hợp cần thiết, cơ quan nào có thể áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời khi xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ?

A. Thanh tra

B. Tòa án

C. Quản lý thị trường

D. hải quan